**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH**

**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. TỔNG HỢP KẾT QUẢ**

- Tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh (ĐKKD) ban đầu: 212 điều kiện

- Tổng số ĐKKD đề nghị bãi bỏ (cắt giảm): 81 điều kiện (chiếm 38.2%)

- Tổng số ĐKKD đề nghị đơn giản hóa: 29 điều kiện (chiếm 13.7%).

- Tổng số ĐKKD đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa: **110 điều kiện (chiếm 51.9%).**

**II. KẾT QUẢ CHI TIẾT**

**1. Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa ĐKKD quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (Nghị định số 46)**

- Cắt giảm: 72 ĐKKD;

- Đơn giản hóa: 22 ĐKKD.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành, nghề** | **Điều kiện đầu tư kinh doanh** | **Căn cứ pháp lý**  (*Nêu rõ điều, khoản, điểm của văn bản quy định)* | **Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa** | **Kiến nghị thực thi**  (*Đề xuất cụ thể điều, khoản, điểm, văn bản cần sửa đổi, bãi bỏ)* |
| **A. NGHỊ ĐỊNH SỐ 46/2017/NĐ-CP** | | | | | |
| **I** | **CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON** | |  |  |  |
| **1** | **Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ** | |  |  |  |
| *1.1* |  | *Điều kiện thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1.Có đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. | Điều 3 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non.  - Đề nghị bỏ điều kiện về nội dung đề án vì đã được quy định rất cụ thể trong thành phần hồ sơ thành lập (điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46) | Sửa đổi Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Điều 3 Nghị định số 46;  Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 46 |
| *1.2* |  | *Điều kiện để trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.  2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu, duy trì và phát triển hoạt động giáo dục, cụ thể:  a) Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ được đặt tại khu dân cư phù hợp quy hoạch chung, thuận lợi cho trẻ em đến trường; bảo đảm các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường;  b) Diện tích khu đất xây dựng gồm: Diện tích xây dựng; diện tích sân chơi; diện tích cây xanh, đường đi. Diện tích khu đất xây dựng bình quân tối thiểu 12 m2 cho một trẻ em đối với khu vực đồng bằng, trung du; 08 m2 cho một trẻ em đối với khu vực thành phố, thị xã và núi cao.  Đối với nơi khó khăn về đất đai, có thể thay thế diện tích xây dựng bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm đủ diện tích theo quy định;  Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục có thể thuê trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà nước, cơ sở giáo dục công lập không sử dụng để tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.  Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục có thể thuê một phần hoặc toàn bộ quỹ nhà và cơ sở hạ tầng của Nhà nước để tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định của Chính phủ về khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp. Trường hợp thuê trang thiết bị giáo dục chưa sử dụng hết công suất của cơ sở sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.  c) Khuôn viên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ có tường bao ngăn cách với bên ngoài;  d) Cơ cấu khối công trình gồm:  - Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng vệ sinh, hiên chơi bảo đảm theo đúng quy chuẩn quy định;  - Khối phòng phục vụ học tập: Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng;  - Khối phòng tổ chức ăn: Khu vực nhà bếp và kho;  - Khối phòng hành chính quản trị gồm: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên;  - Sân vườn gồm: Sân chơi của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi – cây xanh.  đ) Có thiết bị, đồ chơi, đồ dùng, tài liệu chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  3. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục mầm non và tổ chức hoạt động giáo dục.  4. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.  5. Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ. | Điều 5 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ điều kiện về QĐ thành lập vì không cần thiết. Việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Bỏ điều kiện “được đặt tại khu dân cư phù hợp quy hoạch chung, thuận lợi cho trẻ em đến trường” tại điểm a khoản 2 vì khó để xác định trên thực tế; ngoài ra, nên để nhà đầu tư được lựa chọn địa điểm xây dựng trường phù hợp với điều kiện và nhu cầu của mình.  - Đơn giản hỏa bằng cách bỏ điều kiện “đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu” vì không cần thiết; chỉ cần đạt tiêu chuẩn và bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục là đủ.  - Đề nghị bỏ điều kiện “4. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.” vì quy định chung chung, hình thức, không có tiêu chí xác định rõ.  - Đề nghị bỏ điều kiện 5 “Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ” vì không cần thiết, quy định này mang tính hình thức và không có quy định cụ thể về nội dung quy chế. | Sửa đổi Điều 5 Nghị định số 46; Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) |
| **2** | **Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập* |  |  |  |
|  |  | 1. Đáp ứng nhu cầu gửi trẻ em của các gia đình.  2. Có giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 77 của Luật giáo dục.  3. Có phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, an toàn, đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng và sắp xếp gọn gàng; diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bảo đảm ít nhất 1,5 m2 cho một trẻ em; có chỗ chơi, có hàng rào và cổng bảo vệ an toàn cho trẻ em và phương tiện phù hợp với lứa tuổi; những nơi có tổ chức ăn cho trẻ em phải có bếp riêng, an toàn, bếp đặt xa lớp mẫu giáo, nhóm trẻ; bảo đảm phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm. Có đủ nước sạch dùng cho sinh hoạt và đủ nước uống hàng ngày cho trẻ em theo quy định.  4. Trang thiết bị đối với một nhóm trẻ độc lập:  a) Có chiếu hoặc thảm cho trẻ em ngồi chơi, giường nằm, chăn, gối, màn cho trẻ em ngủ, dụng cụ đựng nước uống, giá để đồ chơi, giá để khăn và ca, cốc cho trẻ em, có đủ bô đi vệ sinh cho trẻ em dùng và một ghế cho giáo viên;  b) Có đủ thiết bị tối thiểu cho trẻ em gồm: Đồ chơi, đồ dùng và tài liệu phục vụ hoạt động chơi và chơi – tập có chủ đích;  c) Đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ em;  d) Có đồ dùng, tài liệu cho người nuôi dạy trẻ em, gồm: Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em; sổ theo dõi trẻ; sổ theo dõi tài sản của nhóm trẻ; tài liệu dùng để phổ biến kiến thức nuôi dạy con cho cha mẹ.  5. Trang thiết bị đối với một lớp mẫu giáo độc lập:  a) Có bàn, ghế đúng quy cách cho trẻ em ngồi (đặc biệt đối với trẻ em 05 tuổi): Một bàn và hai ghế cho hai trẻ em; một bàn, một ghế và một bảng cho giáo viên; kệ để đồ dùng, đồ chơi; thùng đựng nước uống, nước sinh hoạt. Đối với lớp bán trú: Có ván hoặc giường nằm, chăn, gối, màn, quạt phục vụ trẻ em ngủ;  b) Có đủ thiết bị tối thiểu cho trẻ em bao gồm: Đồ chơi, đồ dùng và tài liệu cho hoạt động chơi và học có chủ đích;  c) Đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ em;  d) Có đồ dùng, tài liệu cho giáo viên mẫu giáo gồm: Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em; sổ theo dõi trẻ em, sổ ghi chép tổ chức các hoạt động giáo dục của trẻ em trong ngày, tài liệu dùng để phổ biến kiến thức nuôi dạy con cho cha mẹ.  6. Đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ em tới trường, lớp, các cá nhân có thể tổ chức nhóm trẻ nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của phụ huynh và phải đăng ký hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm các điều kiện đăng ký hoạt động như sau:  a) Số lượng trẻ em trong nhóm trẻ tối đa là 07 trẻ em;  b) Người chăm sóc trẻ em có đủ sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm, đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định;  c) Cơ sở vật chất phải bảo đảm các điều kiện tối thiểu như sau: Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có diện tích tối thiểu là 15 m2; bảo đảm an toàn, thoáng, mát; có đồ dùng, đồ chơi an toàn, phù hợp lứa tuổi của trẻ em; có đủ đồ dùng cá nhân phục vụ trẻ em ăn, uống, ngủ, sinh hoạt và các thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em; có đủ nước uống cho trẻ em hằng ngày; có phòng vệ sinh và thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ em; có đủ nước sạch cho trẻ em dùng; có bản thỏa thuận với phụ huynh về việc nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em tại nhóm trẻ; có tài liệu hướng dẫn thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ em. | Điều 10 Nghị định số 46 | - Khoản 1 không cần thiết, vì khó để xác định thế nào là “đáp ứng nhu cầu” của các gia đình.  - Đề nghị bỏ điều kiện “Đủ đồ dùng cá nhân cho mỗi trẻ em” tại điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 10 Nghị định số 46 vì không cần thiết. Nhà trường không có trách nhiệm phải trang bị đồ dùng cá nhân cho trẻ em. | Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 46 |
| **II** | **GIÁO DỤC PHỔ THÔNG** | |  |  |  |
| **1** | **Trường tiểu học** | |  |  |  |
| *1.1* |  | *Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo thuận lợi cho trẻ em đến trường nhằm bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.  2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm và diện tích đất dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | Điều 15 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | Đề nghị bỏ vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông.  Đề nghị bỏ điều kiện về nội dung đề án và chuyển các nội dung này vào điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trường). | Sửa đổi Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Điều 3 Nghị định số 46; |
| *1.2* |  | *Điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường.  2. Đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục:  a) Diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10 m2 cho một học sinh đối với khu vực nông thôn, miền núi; 06 m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã. Đối với nơi khó khăn về đất đai, có thể thay thế diện tích sử dụng đất bằng diện tích sàn xây dựng và bảo đảm đủ diện tích theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm lập đề án báo cáo việc sử dụng diện tích thay thế và phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;  b) Cơ cấu khối công trình gồm:  - Hàng rào bảo vệ khuôn viên trường; cổng trường; biển tên trường; phòng học; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng; văn phòng; phòng họp, phòng giáo viên; thư viện; phòng thiết bị giáo dục; phòng máy tính; phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng y tế trường học; phòng bảo vệ;  - Phòng giáo dục nghệ thuật; phòng học nghe nhìn; phòng tham vấn học sinh; phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng;  - Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, học sinh, học sinh khuyết tật; khu chứa rác và hệ thống cấp thoát nước bảo đảm vệ sinh; khu để xe cho học sinh, giáo viên và nhân viên; khu đất làm sân chơi, sân tập có diện tích không dưới 30% diện tích khu đất của trường; sân chơi phải bằng phẳng có cây bóng mát; sân tập phù hợp và bảo đảm an toàn cho học sinh;  - Khu nhà ăn, nhà nghỉ bảo đảm điều kiện sức khỏe cho học sinh học bán trú; khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học; khu bể bơi; khu thể dục thể thao có đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh.  c) Bảo đảm có đủ thiết bị giáo dục ít nhất theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phục vụ kịp thời các yêu cầu về thiết bị dạy học cho giáo viên và học sinh.  3. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục an toàn cho người học, người dạy và người lao động.  4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với giáo dục tiểu học.  5. Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục.  6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục. | Điều 17 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Bỏ điều kiện “Có quyết định về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường”.Việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Giảm bớt số phòng học, các trường có thể sử dụng một phòng vào nhiều mục đích khác nhau, không nhất thiết phải có tất cả các phòng riêng như quy định  - Bỏ điều kiện tại khoản 4 vì không cần thiết. Nhà trường bắt buộc phải thực hiện theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành.  - Đơn giản hóa: bỏ đoạn “đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu” vì không cần thiết, chỉ cần quy định đạt tiêu chuẩn và bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục là đủ.  - Bỏ điều kiện tại khoản 6 vì quy định chung chung, hình thức, không có tiêu chí xác định rõ. | Sửa đổi khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục, Điều 17 Nghị định số 46 |
| **2** | **Cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện để cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học* |  |  |  |
|  |  | 1. Đáp ứng yêu cầu hỗ trợ phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương.  2. Được một trường tiểu học nhận bảo trợ và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý về chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, hoạt động giáo dục, hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục trong trường, đánh giá, xếp loại học sinh.  3. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn theo quy định.  4. Phòng học:  a) Bảo đảm đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi;  b) Có các thiết bị: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt (ở nơi có điện); hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. | Điều 22 Nghị định số 46 | - Đề nghị bỏ điều kiện “Đáp ứng yêu cầu hỗ trợ phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương.” vì khó xác định.  - Đề nghị bỏ điều kiện “Được một trường tiểu học nhận bảo trợ và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý về chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo” vì khi hoạt động, cơ sở giáo dục khác phải đủ năng lực để giảng dạy chương trình giáo dục tiểu học. Có trường hợp trường nhận bảo trợ lợi dụng gây khó khăn cho cơ sở giáo dục khác. | Sửa đổi Điều 22 Nghị định số 46 |
| **3** | **Trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học** | |  |  |  |
| *3.1* |  | *Điều kiện thành lập trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học) công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt~~.~~  2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | Điều 25 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông  - Đề nghị bỏ điều kiện về nội dung đề án và chuyển thành nội dung của điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trường) | Sửa đổi khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Điều 3 Nghị định số 46; |
| *3.2* |  | *Điều kiện để trường trung học hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định này.  2. Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất gồm:  a) Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn, đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát và bảo đảm học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;  b) Phòng học bộ môn: Thực hiện theo quy định về quy chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;  c) Khối phục vụ học tập gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn – Đội, phòng truyền thống;  d) Khối hành chính – quản trị gồm: Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng thường trực, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể;  đ) Khu sân chơi, bãi tập: Có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường, có đủ thiết bị luyện tập thể dục, thể thao và bảo đảm an toàn;  e) Khu để xe: Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, bảo đảm an toàn, trật tự, vệ sinh;  g) Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.  3. Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên. Trường học là một khu riêng, có tường bao quanh, có cổng trường và biển tên trường. Diện tích của trường đủ theo quy định, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.  4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học.  5. Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo phù hợp với từng cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.  6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.  7. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. | Điều 27 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Bỏ điều kiện “Có quyết định về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường”. Việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Đề nghị bỏ điều kiện: “đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát” vi điều kiện này đã nằm trong điều kiện “Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn”.  - Bỏ điều kiện về diện tích của trường tại khoản 3 vì đã có điều kiện về đất đai, trường sở tại khoản 2.  - Bỏ khoản 4 vì không cần thiết. Nhà trường bắt buộc phải thực hiện theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành.  - Bỏ điều kiện tại khoản 6 vì quy định chung chung, hình thức, không có tiêu chí xác định rõ.  - Đề nghị bỏ điều kiện tại khoản 7 về có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường vì quy định này mang tính hình thức, không có quy định cụ thể về nội dung quy chế. | Sửa đổi Điều 27 Nghị định số 46; Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) |
| **4** | **Trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện thành lập trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp* |  |  |  |
|  |  | 1. Phù hợp với yêu cầu phát triển, kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có tính khả thi và hiệu quả; đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng.  2. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định.  3. Có địa điểm để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định sau đây:  a) Có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, thư viện, phòng thực hành lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập;  b) Có các thiết bị dạy học, sách, tạp chí theo yêu cầu thực hiện các chương trình dạy học tại trung tâm, được quản lý, sử dụng có hiệu quả theo quy định. | Điều 32 Nghị định số 46 | Đề nghị bỏ toàn bộ điều kiện thành lập trung tâm kỹ thuật tổng hợp- hướng nghiệp vì theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục III Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về việc tiếp tục đối mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định: “Sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục dạy nghề trên địa bàn cấp huyện”. Mặt khác, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đã bổ sung: “Trung tâm giáo dục- dạy nghề” tại khoản 1 Điều 46 thuộc cơ sở giáo dục thường xuyên | Bãi bỏ Điều 32 Nghị định số 46 |
| **III** | **CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN** | |  |  |  |
| **1** | **Trung tâm giáo dục thường xuyên** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên* |  |  |  |
|  |  | 1. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu học tập của cộng đồng, phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định.  3. Có địa điểm để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định sau đây:  a) Có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng thực hành lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập;  b) Có các thiết bị dạy học và thí nghiệm; sách giáo khoa, tài liệu học tập theo yêu cầu thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên. | Điều 37 Nghị định số 46 | Đề nghị bỏ nội dung này vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX).  Việc thành lập trung tâm GDTX cần căn cứ nhu cầu học tập suốt đời của người dân ngày càng tăng và xu thế phát triển của trung tâm giáo dục thường xuyên bên cạnh nhóm công lập cần có nhóm tư thục | Bãi bỏ khoản 1 Điều 37 Nghị định số 46 |
| **2** | **Trung tâm học tập cộng đồng** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện thành lập trung tâm học tập cộng đồng* |  |  |  |
|  |  | 1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng.  2. Có cán bộ quản lý, giáo viên, kế toán, thủ quỹ đáp ứng được yêu cầu hoạt động của trung tâm theo quy định.  3. Có địa điểm cụ thể, cơ sở vật chất và các thiết bị, chương trình giáo dục, kế hoạch và tài liệu học tập cần thiết đáp ứng được yêu cầu hoạt động của trung tâm trên cơ sở đầu tư, trang bị mới hoặc tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có trên địa bàn cấp xã. | Điều 42 Nghị định số 46 | Đề nghị bỏ điều kiện thành lập trung tâm học tập cộng đồng vì căn cứ bản chất của mô hình trung tâm học tập cộng đồng: của dân, do dân, vì dân | Bãi bỏ Điều 42 Nghị định số 46 |
| **3** | **Trung tâm ngoại ngữ, tin học** | |  |  |  |
| 3.1 |  | *Điều kiện thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học* |  |  |  |
|  |  | 1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học xác định rõ: Mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trung tâm. | Điều 46 Nghị định số 46 | - Đề nghị bỏ điều kiện 1 vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học (NN, TH).  Việc thành lập trung tâm NN, TH cần căn cứ nhu cầu học tập ngoại ngữ, tin học của người dân ngày càng tăng và xu thế phát triển chủ yếu của trung tâm NN, TH là nhóm tư thục.  - Đơn giản hóa điều kiện, bỏ “và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai,” và “tổ chức bộ máy,”, Điều kiện thành lập chỉ nên dự kiến về mục tiêu, phương hướng chiến lược, cơ sở vật chất, đội ngũ và các nguồn lực. Nhà đầu tư sẽ hiện thực hóa các điều kiện này khi làm thủ tục xin được hoạt động.  - Bỏ điều kiện thứ hai vì đã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trung tâm) | Sửa đổi Điều 46 Nghị định số 46 |
| 3.2 |  | *Điều kiện để trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 47 của Nghị định này.  2. Có cán bộ quản lý, giáo viên, kỹ thuật viên giảng dạy lý thuyết, thực hành bảo đảm trình độ chuyên môn theo quy định; kế toán, thủ quỹ đáp ứng yêu cầu hoạt động của trung tâm. Số lượng giáo viên phải bảo đảm tỷ lệ trung bình không quá 25 học viên/1 giáo viên/ca học.  3. Có đủ phòng học, phòng chức năng phù hợp, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; phòng làm việc cho bộ máy hành chính theo cơ cấu tổ chức của trung tâm để phục vụ công tác quản lý, đào tạo. Phòng học đủ ánh sáng, có diện tích tối thiểu bảo đảm 1,5 m2/học viên/ca học.  4. Có giáo trình, tài liệu, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo; có thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ. | Điều 48 Nghị định số 46 | - Bỏ điều kiện “Có quyết định về việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường”. Việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan ra quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Đề nghị đơn giản hóa bỏ điều kiện “Số lượng giáo viên phải bảo đảm tỷ lệ trung bình không quá 25 học viên/1 giáo viên/ca học.”, và “; phòng làm việc cho bộ máy hành chính theo cơ cấu tổ chức của trung tâm để phục vụ công tác quản lý, đào tạo.” và “có thư viện, cơ sở thí nghiệm, thực tập, thực hành và các cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ.”. Nên để nhà đầu tư có quyền chủ động trong việc quyết định quy mô, tính chất đầu tư trên những quy định tối thiểu  - Bỏ điều kiện tại khoản 4 vì đã có điều kiện về phòng học, phòng chức năng. | Sửa đổi Điều 48 Nghị định số 46 |
| **IV** | **TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT** | |  |  |  |
| **1** | **Trường THPT chuyên** | |  |  |  |
| *1.1* |  | *Điều kiện thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên~~.~~ | Điều 55 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông.  *-* Đề nghị bỏ điều kiện này và chuyển thành nội dung trong hồ sơ thành lập. | Sửa đổi khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Điều 55 Nghị định số 46; |
| *1.2* |  | *Điều kiện để trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | Đáp ứng các điều kiện hoạt động như đối với trường trung học phổ thông quy định tại Điều 27 của Nghị định này và các điều kiện sau đây:  1. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định đối với trường chuyên.  2. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng, phẩm chất, năng lực và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của trường chuyên. | Điều 57 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | Đơn giản hóa: chỉ nên quy định những điều kiện cơ bản, cụ thể và dễ thực hiện; bỏ đoạn “đủ số lượng, phẩm chất, năng lực” vì không cần thiết, chỉ cần đủ điều kiện về trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ là đủ. | Sửa Điều 57 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) |
| **2** | **Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập** | |  |  |  |
| *2.1* |  | *Điều kiện thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập trong đó xác định cụ thể mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.  2. Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu hỗ trợ giáo dục người khuyết tật của địa phương.  3. Có trụ sở làm việc hoặc có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng trụ sở; trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.  4. Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động của trung tâm. | Điều 60 Nghị định số 46 | *-* Đề nghị bỏ điều kiện này và chuyển thành nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 61 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trung tâm).  - Bỏ 2 điều kiện tại khoản 3, khoản 4 vì đã được quy định rất cụ thể tại điều kiện để trung tâm được hoạt động giáo dục. | Sửa Điều 60 Nghị định số 46 |
| *2.2* |  | *Điều kiện để trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  2. Có cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật, gồm:  a) Trụ sở, phòng làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;  b) Phòng học, phòng chức năng tương ứng để thực hiện các hoạt động của trung tâm;  c) Khu nhà ở cho học sinh đối với trung tâm có người khuyết tật nội trú;  d) Phương tiện, thiết bị, công cụ sử dụng để đánh giá, can thiệp, dạy học, hướng nghiệp, dạy nghề;  đ) Tài liệu chuyên môn, tài liệu hỗ trợ bảo đảm thực hiện các hoạt động của trung tâm.  3. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục có trình độ chuyên môn phù hợp với các phương thức giáo dục người khuyết tật. Nhân viên hỗ trợ giáo dục được tập huấn về giáo dục người khuyết tật theo quy định.  4. Nội dung chương trình giáo dục và tài liệu bồi dưỡng, tư vấn phù hợp với các phương thức giáo dục người khuyết tật, gồm:  a) Nội dung chương trình, tài liệu về giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật thuộc các dạng tật;  b) Nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng về giáo dục người khuyết tật thuộc các dạng tật;  c) Tài liệu tư vấn về việc lựa chọn các phương thức giáo dục phù hợp với dạng và mức độ tật của người khuyết tật. | Điều 62 Nghị định số 46 | - Bỏ điều kiện 1 quy định “Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” vì việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập) | Bãi bỏ khoản 1 Điều 62 Nghị định số 46 |
| **3** | **Trường phổ thông dân tộc nội trú** | |  |  |  |
| *3.1* |  | *Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | Điều 67 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông.  - Đề nghị bỏ và chuyển vào nội dung trong thành phần hồ sơ thành lập trường. | Sửa đổi Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Điều 3 Nghị định số 46; |
| *3.2* |  | *Điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị tương ứng với từng cấp học theo quy định tại Nghị định này và bảo đảm tiêu chí của trường chuẩn quốc gia, ngoài ra còn có thêm các điều kiện sau đây:  a) Khu nội trú có diện tích sử dụng tối thiểu 06 m2/học sinh;  b) Phòng ở nội trú, nhà ăn cho học sinh và các trang thiết bị kèm theo;  c) Nhà công vụ cho giáo viên;  d) Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc với các thiết bị kèm theo;  đ) Phòng học và thiết bị giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, nghề truyền thống của các dân tộc phù hợp với địa phương.  3. Địa điểm của trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên.  4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với mỗi cấp học theo quy định.  5. Có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định phù hợp đối với cấp học; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.  6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.  7. Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường. | Điều 69 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Bỏ quy định “Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” vì việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Bỏ điều kiện “Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với mỗi cấp học theo quy định”. Không cần thiết vì bắt buộc phải thực hiện theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành.  *-* Đề nghị bỏ điều kiện “đạt tiêu chuẩn về phẩm chất; đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình giáo viên” vì không cần thiết, chỉ nên quy định những điều kiện cụ thể, dễ xác định.  - Đề nghị bỏ 2 điều kiện: nội dung về nguồn lực tài chính, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường vì quy định này mang tính hình thức, không có quy định cụ thể về nội dung. | Sửa đổi khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục, Điều 69 Nghị định số 46 |
| **4** | **Trường phổ thông dân tộc bán trú** | |  |  |  |
| *4.1* |  | *Điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt~~.~~  2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng xây dựng và phát triển trường. Trong phương hướng xây dựng và phát triển trường cần bảo đảm ổn định tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số và tỷ lệ học sinh bán trú theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Điều 72 Nghị định số 46;  Khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Đề nghị bỏ điều kiện 1 vì theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 thì không còn quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông.  - Đề nghị bỏ điều kiện 2 và chuyển thành nội dung quy định tại thành phần hồ sơ thành lập trường. | Sửa đổi khoản 1 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009); Bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 46; |
| *4.2* |  | *Điều kiện để trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.  2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục tương ứng với từng cấp học theo quy định tại Nghị định này và có thêm các điều kiện sau đây:  a) Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày;  b) Có các công trình phục vụ cho quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh bán trú: Phòng trực nội trú, nhà ở nội trú; nhà bếp, nhà ăn, nhà tắm; công trình vệ sinh, nước sạch và các trang thiết bị kèm theo công trình;  c) Các dụng cụ, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục văn hóa dân tộc, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho học sinh bán trú.  3. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục an toàn và thuận lợi cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.  4. Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với mỗi cấp học tương ứng.  5. Có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông dân tộc bán trú.  ~~6~~. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú.  7. Có quy định về tổ chức hoạt động bán trú của trường. | Điều 74 Nghị định số 46;  Khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục (sửa đổi năm 2009) | - Bỏ quy định “Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” vì việc có QĐ thành lập hay không cơ quan cho phép hoạt động phải biết (chính là cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra QĐ thành lập, cho phép thành lập)  - Bỏ điều kiện tại Khoản 4 vì không cần thiết. Việc có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy thực hiện theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành là bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục.  - *Bỏ điều kiện “đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu” vì không cần thiết.*  - Bỏ điều kiện “6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.” vì quy định chung chung, hình thức, không có tiêu chí xác định rõ.  - Bỏ điều kiện 7 quy định về tổ chức và hoạt động của nhà trường vì quy định này mang tính hình thức, không có quy định cụ thể về nội dung quy chế. | Sửa đổi khoản 2 Điều 50 Luật giáo dục; Điều 74 Nghị định số 46 |
| **V** | **TRƯỜNG TCSP, TRƯỜNG CĐSP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC** | |  |  |  |
| **1** | **Trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm** | |  |  |  |
| *1.1* |  | *Điều kiện thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm công lập; cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường sư phạm đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung đề án thành lập trường cần nêu rõ: Sự cần thiết thành lập trường, đánh giá sự phù hợp của việc thành lập trường với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tên gọi của trường; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; ngành nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; dự kiến về cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình đăng ký ngành nghề đào tạo và tuyển sinh; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội.  2. Có văn bản chấp thuận về việc thành lập trường trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính (trừ trường hợp trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).  3. Có diện tích đất xây dựng trường tại trụ sở chính tối thiểu là 02 ha đối với trường trung cấp sư phạm, tối thiểu là 05 ha đối với trường cao đẳng sư phạm; có cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường. Địa điểm xây dựng trường phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong nhà trường.  4. Vốn đầu tư xây dựng trường được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai và bảo đảm mức tối thiểu là 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp sư phạm, 100 tỷ đồng đối với trường cao đẳng sư phạm. Vốn đầu tư xây dựng trường công lập phải được cơ quan chủ quản phê duyệt, trong đó xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch, vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và có minh chứng hợp pháp. | Điều 78 Nghị định số 46;  Điều 18 Luật giáo dục nghề nghiệp | - Đơn giản hóa: bỏ điều kiện về nội dung đề án thành lậpđã được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 79 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trường) | Sửa Điều 78 Nghị định số 46;  Điều 18 Luật giáo dục nghề nghiệp |
| *1.2* |  | *Điều kiện được cấp giấy đăng ký hoạt động nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.  2. Địa điểm xây dựng trường bảo đảm môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.  3. Có trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục theo đề án thành lập trường đã cam kết. Trong đó, diện tích sàn xây dựng tối thiểu là 5,5 m2/học sinh đối với trình độ trung cấp và 7,5 m2/sinh viên đối với trình độ cao đẳng.  4. Có đủ chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  5. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên bảo đảm đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu phù hợp với lộ trình đăng ký ngành, nghề đào tạo và tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  6. Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục.  7. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. | Điều 80 Nghị định số 46;  Điều 19 Luật GD nghề nghiệp | - Bỏ điều kiện quy định tại khoản 1 vì không cần thiết.  - Đề nghị bỏ vì điều kiện này đã được quy định trong điều kiện thành lập trường (khoản 3 Điều 78 Nghị định số 46)  - Bỏ điều kiện tại khoản 3 vì đã quy định về có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu.  *-* Bỏ điều kiện đủ về đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu vì không cần thiết và điều kiên này cũng không rõràng.  - Bỏ điều kiện quy định tại khoản 6 vì đã được quy định trong điều kiện thành lập trường (Đề án thành lập).  - Bỏ điều kiện về quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường vì quy định này mang tính hình thức, không có quy định cụ thể về nội dung quy chế. | Sửa đổi Điều 80 Nghị định số 46; Điều 19 Luật giáo dục nghề nghiệp: |
| **2** | **Trường đại học** | |  |  |  |
| *2.1* |  | *Điều kiện thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập trường đại học phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới các trường đại học được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung đề án thành lập trường cần nêu rõ: Tên gọi; ngành, nghề, quy mô đào tạo; mục tiêu, nội dung, chương trình; nguồn lực tài chính; đất đai; cơ sở vật chất; giảng viên và cán bộ quản lý; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý; kế hoạch xây dựng và phát triển trường trong từng giai đoạn; thời hạn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội. Đối với trường đại học công lập, khi thành lập phải cam kết hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định. Đối với trường đại học tư thục, khuyến khích thành lập trường hoạt động không vì lợi nhuận.  2. Có văn bản chấp thuận về việc thành lập trường trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính (trừ trường hợp trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)~~.~~  3. Có diện tích đất xây dựng trường tại trụ sở chính tối thiểu là 05 ha và đạt bình quân tối thiểu là 25 m2/sinh viên tại thời điểm trường có quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển; có cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ giảng viên cơ hữu đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường. Địa điểm xây dựng trường đại học phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường.  4. Đối với trường công lập phải có dự án đầu tư xây dựng trường được cơ quan chủ quản phê duyệt, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch và đối với trường tư thục phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 1000 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng trường); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập trường đại học tư thục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 500 tỷ đồng.  5. Có dự kiến cụ thể về số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cơ hữu, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình để mở mã ngành và tuyển sinh đào tạo trong đề án thành lập trường. | Điều 87 Nghị định số 46;  Điều 22 Luật giáo dục đại học | *-* Đơn giản hóa: bỏ điều kiện về nội dung đề án và chuyển thành nội dung tại điểm c khoản 3 Điều 88 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập trường)  - Đề nghị bỏ điều kiện tại Khoản 2 vì đã được quy định trong thành phần hồ sơ thành lập (điểm b khoản 3 Điều 88)  *-* Đề nghi bỏ điều kiện tại Khoản 3 về “đội ngũ giảng viên cơ hữu” vì không phù hợp, điều kiện này quy định về diện tích đất xây dựng và cơ sở vật chất; ngoài ra, “đội ngũ giảng viên cơ hữu” đã được quy định trong điều kiện thứ 5 (đề xuất chuyển thành 01 thành phần của hồ sơ thành lập).  - Đề nghị bỏ điều kiện thứ 5, chuyển thành 01 thành phần của hồ sơ thành lập trường (khoản 3 Điều 88 Nghị định số 46). | Sửa đổi Điều 22 Luật giáo dục đại học; Sửa đổi, bổ sung khoản 1; bãi bỏ khoản 2 Điều 87 Nghị định số 46 |
| *2.2* |  | *Điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học của Thủ tướng Chính phủ.  2. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, ký túc xá sinh viên, cơ sở phục vụ giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu hoạt động theo quy định. Địa điểm xây dựng trường đại học phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo nội dung tại đề án thành lập trường đã cam kết.  3. Có chương trình đào tạo và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định.  4. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với ngành, nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục; đáp ứng yêu cầu về giảng viên đại học và cán bộ quản lý theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  5. Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của nhà trường.  6. Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của trường. | Điều 89 Nghị định số 46;  Điều 23 Luật giáo dục đại học | - Bỏ điều kiện về QĐ thành lập vì không cần thiết.  - Bỏ điều kiện “đất đai”, “cơ sở vật chất, thiết bị”, vì đã được quy định trong điều kiện thành lập trường; bỏ điều kiện về địa điểm xây dựng trường vì đã được quy định trong điều kiện thành lập trường (khoản 3 Điều 87 Nghị định số 46).  - Đề nghị bỏ điều kiện “đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu” vì không cần thiết.  - Quy định điều kiện 5 mang tính chung chung, không cần thiết. Nguồn lực tài chính của nhà trường đã được cam kết trong Đề án thành lập trường, do đó, có thể kiểm chứng trong Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo Đề án thành lập trường (điểm b khoản 2 Điều 90 Nghị định số 46).  - Quy định điều kiện 6 không cần thiết và mang tính hình thức vì không xác định rõ được nội dung cơ bản trong Quy chế cần đảm bảo để đáp ứng điều kiện này. Mặt khác nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của nhà trường đã được cam kết trong Đề án thành lập trường. | Sửa đổi Điều 23 Luật giáo dục đại học; sửa đổi, bổ sung Điều 89 Nghị định số 46 |
| *2.3* |  | *Điều kiện thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có đề án thành lập phân hiệu phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi trường đại học đặt phân hiệu. Nội dung đề án thành lập phân hiệu cần nêu rõ: Sự cần thiết thành lập phân hiệu; căn cứ pháp lý xây dựng đề án; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển phân hiệu theo từng giai đoạn; tên, địa điểm, vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ của phân hiệu; tổ chức bộ máy quản lý, ngành nghề và quy mô đào tạo; quy hoạch xây dựng phân hiệu; giải pháp thực hiện đề án: Giải pháp tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, giải pháp xây dựng cơ sở vật chất, giải pháp tài chính, các bước triển khai đề án và nhiệm vụ ưu tiên và các minh chứng kèm theo về điều kiện thành lập phân hiệu.  2. Có văn bản chấp thuận về việc thành lập phân hiệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đại học đặt phân hiệu.  3. Có diện tích đất xây dựng phân hiệu tối thiểu là 02 ha (trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định), đạt bình quân tối thiểu 25 m2/sinh viên tại thời điểm phân hiệu có quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển; có cơ sở vật chất, thiết bị; đội ngũ cán bộ quản lý cơ hữu và giảng viên cơ hữu, đáp ứng yêu cầu hoạt động của phân hiệu. Địa điểm xây dựng phân hiệu phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong phân hiệu.  4. Đối với phân hiệu của trường đại học công lập phải có dự án đầu tư xây dựng trường được cơ quan chủ quản phê duyệt, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch và đối với phân hiệu của trường đại học tư thục phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng phân hiệu); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 150 tỷ đồng.  5. Có dự kiến cụ thể về số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý cơ hữu và giảng viên cơ hữu, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình để mở mã ngành và tuyển sinh đào tạo trong đề án thành lập phân hiệu. | Điều 91 Nghị định số 46 | - Đơn giản hóa: bỏ điều kiện về nội dung đề án và chuyển sang quy định tại điểm a khoản 3 Điều 92 Nghị định số 46 (hồ sơ thành lập phân hiệu)  - Đề nghị bỏ, vì đã được quy định trong thành phần hồ sơ (khoản 3 Điều 93 Nghị định số 46)  - Đề nghị bỏ điều kiện “đội ngũ cán bộ quản lý cơ hữu và giảng viên cơ hữu” vì không phù hợp (khoản 3 quy định về diện tích đất xây dựng, cơ sở vật chất); ngoài ra trùng với điều kiện tại khoản 5 Điều này.  - Đề nghị bỏ điều kiện này và chuyển thành 01 thành phần của hồ sơ thành lập phân hiệu (khoản 3 Điều 92 Nghị định số 46) | Sửa đổi, bổ sung Điều 91 Nghị định số 46 |
| *2.4* |  | *Điều kiện để phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo* |  |  |  |
|  |  | a) Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;  b) Có đất đai, cơ sở vật chất,thiết bị, ký túc xá sinh viên, cơ sở phục vụ giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu hoạt động theo quy định. Địa điểm xây dựng phân hiệu phải bảo đảm về môi trường giáo dục, an toàn cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo nội dung tại đề án thành lập phân hiệu đã cam kết;  c) Có chương trình đào tạo đối với các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (trừ những ngành và chuyên ngành mà trường đại học xin phép thành lập phân hiệu đã được phép đào tạo) và giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định*;*  d) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với ngành, nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục; đáp ứng yêu cầu về giảng viên đại học và cán bộ quản lý theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  đ) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của phân hiệu;  e) Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của phân hiệu. | Điều 93 Nghị định số 46 | Bỏ điều kiện về QĐ thành lập vì không cần thiết.  - Quy định “Có đất đai, cơ sở vật chất” không cần thiết, đã quy định cụ thể tại điều kiện thành lập; bỏ điều kiện về địa điểm xây dựng phân hiệu đã được quy định trong điều kiện thành lập phân hiệu (khoản 3 Điều 91 Nghị định số 46).  - Quy định điểm đ mang tính chung chung, không cần thiết vì không thể xác định thế nào là “đủ” theo quy định. Nguồn lực tài chính của nhà trường đã được cam kết trong Đề án thành lập phân hiệu, do đó, có thể kiểm chứng trong Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo Đề án thành lập phân hiệu (điểm b khoản 2 Điều 90 Nghị định số 46).  - Quy định điểm e không cần thiết và mang tính hình thức vì không xác định rõ được nội dung cơ bản trong Quy chế cần đảm bảo để đáp ứng điều kiện này. Mặt khác nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của phân hiệu đã được cam kết trong Đề án thành lập phân hiệu. | Sửa đổi Điều 93 Nghị định số 46 |
| **VI** | **KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC** | |  |  |  |
| **1** | **Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước** | |  |  |  |
| *1.1* |  | *Điều kiện thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập, cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục* |  |  |  |
|  |  | Có đề án thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Luật giáo dục đại học. Nội dung đề án cần nêu rõ: Tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc đề nghị cho phép thành lập; dự kiến tên của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc thứ tiếng khác nếu cần thiết; dự kiến địa điểm trụ sở; mục tiêu, nhiệm vụ; đối tượng và phạm vi hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; dự kiến số lượng, cơ cấu trình độ của các kiểm định viên; cơ cấu tổ chức nhân sự; các điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính; kế hoạch, lộ trình phát triển và giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn. | Điều 97 Nghị định số 46;  Điều 52 Luật giáo dục đại học | Điều kiện này đã được thể hiện trong thành phần hồ sơ và không nhất thiết phải được quy định thành điều kiện để xem xét thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập, cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục, có thể bỏ và đưa nội dung, yêu cầu của Đề án gộp chung với nội dung thành phần hồ sơ (điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 46) | Bãi bỏ Điều 97 Nghị định số 46; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 Nghị định số 46, Điều 52 Luật giáo dục đại học |
| *1.2* |  | *Điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục* |  |  |  |
|  |  | 1. Có quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.  2. Có trụ sở hoạt động ổn định và điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; có phòng làm việc đủ cho các kiểm định viên với diện tích tối thiểu là 08 m2/người; có trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định.  3. Có số vốn tối thiểu 02 tỷ đồng để triển khai các hoạt động.  4. Có ít nhất 10 kiểm định viên đã được cấp thẻ kiểm định viên và làm việc toàn thời gian cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.  5. Có trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. | Điều 99 Nghị định số 46 | - Đề nghị bỏ khoản 1 vì đã được quy định trong thành phần hồ sơ cho phép hoạt động (điểm d khoản 2 Điều 100 Nghị định số 46)  - Bỏ “điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục” và “có trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định”, vì các điều kiện này này đã được quy định trong điều kiện thành lập tổ chức KĐ. | Sửa đổi Điều 99 Nghị định số 46 |
| **2** | **Công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được công nhận hoạt động ở Việt Nam* |  |  |  |
|  |  | 1. Được nước sở tại hoặc một hiệp hội quốc tế hợp pháp công nhận hoặc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp.  2. Có kinh nghiệm thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục ít nhất 05 năm tính đến thời điểm được xem xét công nhận. | Điều 103 Nghị định số 46 | - Đề nghị bỏ khoản 1 vì đã được quy định trong hồ sơ đề nghị công nhận hoạt động (điểm b khoản 2 Điều 104 Nghị định số 46)  - Đề nghị bỏ điều kiện này và chuyển thành nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 104 Nghị định số 46 (hồ sơ đề nghị côngnhận hoạt động) | Bãi bỏ Điều 103 Nghị định số 46; sửa đổi, bổ sung Điều 104 Nghị định số 46 |
| **VII** | **KINH DOANH DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn du học* |  |  |  |
|  |  | 1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học được thành lập theo quy định của pháp luật.  2. Có trụ sở, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.  3. Đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học có trình độ đại học trở lên; có năng lực sử dụng ít nhất một ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Điều 107 Nghị định số 46 | - Đề nghị bỏ khoản 1 vì đã được quy định trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (điểm b khoản 2 Điều 108 Nghị định số 46)  - Quy định về trụ sở tại điều kiện 2 là không cần thiết vì điều kiện này phải được tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đảm bảo để được cấp giấy phép thành lập theo quy định; Quy định “cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học” chưa cụ thể rõ ràng và gây khó khăn cho tổ chức khi chuẩn bị điều kiện để kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.  - Đề nghị bỏ điều kiện tại khoản 3 và chuyển thành nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 108 Nghị định số 46 (thành phần hồ sơ) | Sửa đổi, bổ sung Điều 107 Nghị định số 46 |

**2. Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa ĐKKD tại Nghị định số 73/2012/NĐ-CP (Nghị định số 73)**

- Đơn giản hóa: 07 ĐKKD;

- Cắt giảm: 09 ĐKKD.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành, nghề** | **Điều kiện đầu tư kinh doanh** | **Căn cứ pháp lý**  (*Nêu rõ điều, khoản, điểm của văn bản quy định)* | **Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa** | **Kiến nghị thực thi**  (*Đề xuất cụ thể điều, khoản, điểm, văn bản cần sửa đổi, bãi bỏ)* |
|  | **NGHỊ ĐỊNH 73/2012/NĐ-CP** | | | | |
| **I** | **ĐIỀU KIỆN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO** | |  |  |  |
|  |  | *Điều kiện về đội ngũ nhà giáo* |  |  |  |
|  |  | 2. Giáo dục đại học:  a) Đối với liên kết đào tạo trình độ cao đẳng thì giảng viên ít nhất phải có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;  b) Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học thì giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;  c) Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ thì giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ ít nhất phải có bằng tiến sĩ; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, giảng dạy ngoại ngữ ít nhất phải có bằng thạc sĩ;  d) Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ thì giảng viên ít nhất phải có bằng tiến sĩ ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. | Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 73 | - Đơn giản hóa điều kiện này như sau: Đối với giảng viên giảng dạy liên kết đào tạo trình độ đại học, bỏ điều kiện “*chuyên ngành”* và thay bằng “*nhóm ngành*”; giảng dạy liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ bỏ điều kiên đối với GV “*tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ*”, bỏ điều kiện đối với GV “*giảng dạy ngoại ngữ*’; giảng dạy liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ bỏ điều kiện về “*chuyên ngành*” và thay bằng “*nhóm ngành*”. | Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Nghị định số 73 |
| **II** | **ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ GD CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | |  |  |  |
| *1* |  | *Điều kiện về vốn đầu tư* |  |  |  |
|  |  | 6. Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học phải có suất đầu tư ít nhất là 150 triệu đồng/sinh viên (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có dự kiến quy mô đào tạo cao nhất, nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng. | Khoản 6 Điều 28 Nghị định số 73 | Bỏ điều kiện “*suất đầu tư ít nhất là 150 triệu đồng/sinh viên*”. | Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 28 Nghị định số 73 |
| *2* |  | *Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị* |  |  |  |
|  |  | 6. Xây dựng và thuê cơ sở vật chất:  a) Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động từ hai mươi năm trở lên tại Việt Nam phải có kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục và phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý về việc giao đất hoặc cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Giai đoạn đầu tối đa là năm năm, các cơ sở này phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất cần thiết, ổn định để triển khai đào tạo, giảng dạy và phải đảm bảo việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo đúng tiến độ của dự án;  b) Cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động dưới hai mươi năm không phải xây dựng cơ sở vật chất riêng, nhưng phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê trường, lớp, nhà xưởng, các diện tích phụ phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là năm năm. | Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 73 | Bỏ điều kiện cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài phải xây dựng cơ sở vật chất của mình; | Bãi bỏ điểm a khoản 6 Điều 29 Nghị định số 73 |
| *3* |  | *Điều kiện về đội ngũ nhà giáo* |  |  |  |
|  |  | 6. Giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài ít nhất phải có 05 năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực giảng dạy. | Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 73 | Không quy định điều kiện về 05 năm kinh nghiệm đối với giáo viên là người nước ngoài giảng dạy tại cơ sở đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông | Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 31 Nghị định số 73 |
| **III** | **ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ** | |  |  |  |
|  |  | 1. Đối với dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này:  a) Có dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;  b) Có Đề án tiền khả thi thành lập cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 33 của Nghị định này;  c) Có quỹ đất tại địa phương để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;  d) Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.  2. Đối với dự án đầu tư mở phân hiệu của cơ sở giáo dục quy định tại Khoản 3, 4 Điều 26 của Nghị định này:  a) Cơ sở giáo dục phải là đối tượng được phép mở phân hiệu theo quy định tại Điều 40 của Nghị định này;  b) Cơ sở giáo dục đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài công nhận về chất lượng;  c) Có quỹ đất tại địa phương để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;  d) Có Đề án tiền khả thi thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 33 của Nghị định này;  đ) Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư mở phân hiệu theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.  3. Đối với dự án đầu tư thành lập trường đại học, ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, dự án đầu tư còn phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. | Điều 32 Nghị định số 73 | Không quy định điều kiện cấp giấy chứng nhận đầu tư riêng đối với từng loại hình cơ sở giáo dục;  Không quy định điều kiện cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư mở phân hiệu của cơ sở giáo dục; | Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Nghị định số 73 |
| **IV** | **ĐIỀU KIỆN CHO PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC** | |  |  |  |
|  |  | **Điều 36. Điều kiện cho phép thành lập**  1. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này:  a) Đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;  b) Có Đề án chi tiết thành lập cơ sở giáo dục theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 37 của Nghị định này;  c) Đối với trường hợp phải xây dựng cơ sở vật chất thì phải có văn bản giao đất hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kèm dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục và thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý liên quan;  d) Đối với trường hợp không phải xây dựng cơ sở vật chất thì phải có thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này và các giấy tờ pháp lý liên quan;  đ) Có đủ năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này.  2. Đối với cơ sở giáo dục theo quy định về thủ tục tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định này:  a) Có Đề án chi tiết thành lập cơ sở giáo dục theo quy đinh tại Điểm c Khoản 1 Điều 37 của Nghị định này;  b) Có sự chấp thuận việc mở cơ sở giáo dục tại địa phương và chấp thuận về nguyên tắc sẽ giao hoặc cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi cơ sở giáo dục dự kiến thành lập hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê đất hoặc cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định này;  c) Có đủ năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này. | Điều 36 Nghị định số 73 | Không quy định các điều kiện về giấy tờ như: giấy chứng nhận đầu tư, đề án thành lập, văn bản giao đất/cho thuê đất…. | Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 73 |
| **V** | **ĐIỀU KIỆN CHO PHÉP MỞ PHÂN HIỆU CỦA CƠ SỞ GD CÓ VỐN ĐẦU TƯ NN** | |  |  |  |
|  |  | **Điều 41. Điều kiện cho phép mở phân hiệu**  1. Có Giấy chứng nhận đầu tư gắn với việc mở phân hiệu của cơ sở giáo dục hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.  2. Đã được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài công nhận về chất lượng.  3. Có Đề án chi tiết mở phân hiệu của cơ sở giáo dục theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 của Nghị định này.  4. Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm c, d Khoản 1 Điều 36 của Nghị định này.  5. Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư mở phân hiệu theo mức quy định tại Điều 28 của Nghị định này. | Điều 41 Nghị định số 73 | Không quy định điều kiện cho phép mở phân hiệu mà chỉ quy định hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cho phép thành lập. | Bãi bỏ Điều 41 Nghị định số 73 |
| **VI** | **ĐIỀU KIỆN CHO PHÉP HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC** | |  |  |  |
|  |  | **Điều 46. Điều kiện cho phép hoạt động giáo dục**  1. Đã kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.  2. Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Đáp ứng các điều kiện về vốn đầu tư, cơ sở vật chất, thiết bị, chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 của Nghị định này.  4. Đáp ứng các điều kiện về mở ngành đối với cơ sở giáo dục phải thực hiện thủ tục mở ngành theo quy định của pháp luật. | Điều 46 Nghị định số 73 | Bỏ điều kiện về “*kiện toàn bộ máy…*” và “*đáp ứng các điều kiện về mở ngành…*”. | Bãi bỏ khoản 1, khoản 4 Điều 46 Nghị định số 73 |
| **VII** | **ĐIỀU KIỆN CHO PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI** | |  |  |  |
|  |  | **Điều 58. Điều kiện cho phép thành lập**  1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật nước, vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) nơi tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.  2. Có thời gian hoạt động ít nhất năm năm tại nước sở tại.  3. Là tổ chức, cơ sở giáo dục đã được kiểm định chất lượng hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng.  4. Có điều lệ, tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng.  5. Có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.  6. Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng đại diện giáo dục dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 55 của Nghị định này. | Điều 58 Nghị định số 73 | Đơn giản hóa điều kiện về tư cách pháp nhân; không quy định điều kiện về chức năng, nhiệm vụ của văn phòng đại diện | Sửa đổi, bổ sung Điều 58 Nghị định số 73 |